TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/HS-PT.
Ngày: 24/9/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Phạm Quang Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 107/2024/TLPT-HS ngày 12/9/2024 đối với các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Nguyễn Văn R; Sinh ngày: 01/01/1968; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N; Có vợ là bà Cái Thị Bích P, sinh năm 1972 và 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 1994, người con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2024 cho đến nay. (bị cáo)

2. Mai Văn H; Sinh ngày: 01/01/1966; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn P1 và bà Nguyễn Thị C; Có vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm R1, sinh năm 1969 và 02 người con, người con lớn sinh năm 1995, người con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2024 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn S; Sinh ngày: 01/01/1964; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn B; Sinh năm: 1960; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Cái Thị Bích P; Sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Nguyễn Thị Cẩm R1; Sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Nguyễn Thị Thanh K; Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

5. Trần Thị D1; Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Trần Văn Đ; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

7. Trần Văn B1; Sinh năm: 1959; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/12/2023, Nguyễn Văn R đi ra vườn ớt của mình để sơn máy và sửa chẹt tưới cây thì Nguyễn Văn R nghe tiếng nói chuyện giữa người nam và nữ trong bụi sậy thuộc vườn của ông Ba P2 giáp ranh vườn ớt của mình, Nguyễn Văn R đi lại xem thì thấy bà Cái Thị Bích P (là vợ của Nguyễn Văn R) cùng ông Nguyễn Văn S đang nói chuyện với nhau, Nguyễn Văn R nghi ngờ ông S và bà P có quan hệ tình cảm bất chính với nhau. Lúc này, Nguyễn Văn R gọi điện thoại di động cho bà Nguyễn Thị Cẩm R1 (là chị ruột của Nguyễn Văn R) và Mai Văn H (là chồng bà R1) lên nhà Nguyễn Văn R gấp nhưng không nói lên để làm gì. Sau khi điện thoại xong, Nguyễn Văn R đi đến lùm sậy thì gặp ông S, Nguyễn Văn R nói ông S lấy vợ của mình thì ông S nói không có, Nguyễn Văn R nói không có thì Nguyễn Văn R tạt nước sơn để làm dấu, nói xong thì Nguyễn Văn R cầm lon nước sơn màu đỏ tạt lên người ông S. Lúc này, ông S thấy Nguyễn Văn R cầm dao và sợ bị chém nên ông S giật cây dao trên tay của Nguyễn Văn R, cả hai giằng co với nhau làm cả hai té xuống mương nước, làm văng cây dao lên bờ, Nguyễn Văn R lôi ông S lên rãnh thoát nước của liếp ớt, Nguyễn Văn R lấy sợi dây phỏi, dây dù để trong túi quần ra trói tay ông S lại nhưng ông S chống cự nên không trói được. Lúc này, Mai Văn H đi đến thấy Nguyễn Văn R đang đè trói tay ông S nhưng không trói được, Nguyễn Văn R kêu ông H lại tiếp bắt, trói ông S. Lúc này, H thấy trên người ông S dính màu

đỏ nghĩ là máu, nên H không dám vào tiếp Rết bắt, trói ông S, thì Nguyễn Văn R nói nước sơn chứ không phải máu, ông H nghe nói vậy, thì H dùng hai tay nắm và đè hai tay của ông S để cho Nguyễn Văn R dùng dây trói ông S. Lúc này, bà R1 đi đến thấy Nguyễn Văn R và H bắt trói ông S, bà R1 biết được việc Nguyễn Văn R bắt ghen ông S với bà P nên bà R1 đi tìm bà P để hỏi rõ sự việc. Sau khi bắt trói được ông S thì Nguyễn Văn R gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị Thanh K (là vợ ông S) nói lại sự việc. Ông Nguyễn Văn B nghe tiếng la ngoài vườn ớt nên đi ra xem. Khi ra đến vườn ớt của Nguyễn Văn R, ông B thấy H đang trói ông S, lúc này ông B lại gần hỏi có việc gì, H trả lời là Nguyễn Văn R bắt ghen ông S và bà P, ông B sợ hai bên xảy ra đánh nhau nên ông B nói có gì đi vô nhà và báo chính quyền giải quyết, thì ông S đồng ý đi vô nhà của Nguyễn Văn R cùng với ông B. Khi vào nhà Nguyễ Văn R2, ông B ngồi trước hàng ba nhà cùng với ông S. Sau đó, ông Bưu điện t trình báo chính quyền địa phương về nội dung sự việc. Lúc này, gia đình ông S đến nên ông B bỏ đi vô nhà của Nguyễn Văn R. Sau đó, Công an xã T đến giải quyết vụ việc và mở trói cho ông S.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 11/KLTTCT-TTPYST ngày 04/01/2024 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh S kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông S như sau: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn S tại thời điểm giám định là 01%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án là ngày 09/8/2024. Giao bị cáo Nguyễn Văn R cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; các điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Mai Văn H 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án là ngày 09/8/2024. Giao bị cáo Mai Văn H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực

hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 16/8/2024, bị hại Nguyễn Văn S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn R, Mai Văn H, không cho các bị cáo hưởng án treo, đồng thời xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Cẩm Rơ .

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại Nguyễn Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn R, Mai Văn H, không cho các bị cáo hưởng án treo, đồng thời xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Cẩm Rơ . Bị hại Sậm bổ sung kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng thêm đối với bị cáo H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn R là 05 tháng tù, bị cáo H là 04 tháng tù và cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo. Bị hại Nguyễn Văn S kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù đối với các bị cáo và không cho các bị cáo hưởng án treo là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm R1 không có tham gia vào việc bắt, giữ trái pháp luật đối với với ông S và chính ông B là người can ngăn, cùng ông S vào nhà của Nguyễn Văn R và báo chính quyền địa phương để giải quyết vụ việc, tránh xô xát xảy ra nên cấp sơ thẩm không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông B và bà R1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Sậm bổ sung kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường về tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật là làm xấu hơn tình trạng của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo bổ sung của bị hại Sậm. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều

356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S lập và nộp trực tiếp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 16/8/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Sậm bổ sung kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường về tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật là làm xấu hơn tình trạng của bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo bổ sung của bị hại Sậm. Căn cứ vào các điều 342 và 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn R, Mai Văn H và không cho các bị cáo hưởng án treo, đồng thời xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Cẩm R1 theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn R và Bùi Văn H1 như sau: Vào ngày 06/12/2023, Nguyễn Văn R đi ra vườn ớt của mình để sơn máy và sửa chẹt tưới cây thì Nguyễn Văn R nghe tiếng nói chuyện giữa người nam và nữ trong bụi sậy thuộc vườn của ông Ba P2 giáp ranh vườn ớt của Nguyễn Văn R. Nguyễn Văn R đến xem thì thấy bà Cái Thị Bích P (là vợ của Nguyễn Văn R) cùng ông Nguyễn Văn S đang nói chuyện với nhau, Nguyễn Văn R nghi ngờ ông S và bà P có quan hệ tình cảm bất chính với nhau. Nguyễn Văn R gọi điện thoại di động cho bà Nguyễn Thị Cẩm R1 (là chị ruột của Nguyễn Văn R) và Mai Văn H (là chồng bà R1) lên gấp nhưng không nói lên để làm gì. Sau khi điện thoại xong, Nguyễn Văn R gặp ông S và hai bên xảy ra xô xát với nhau, Nguyễn Văn R lấy sợi dây phôi, dây dù để trong túi quần ra trói tay ông S lại nhưng ông S chống cự nên không trói được. Lúc này, Mai Văn H đi đến thấy Nguyễn Văn R đang đè trói tay ông S lại nhưng không trói được, Nguyễn Văn R kêu ông H lại tiếp bắt trói ông S. Lúc này, H thấy trên người ông S dính màu đỏ nghĩ là máu, nên H không dám vào tiếp Nguyễn Văn R bắt trói ông S, thì Nguyễn Văn R nói nước sơn chứ không phải máu, H nghe vậy thì H dùng hai tay của mình nắm và đè hai tay của ông S để cho Nguyễn Văn R dùng dây trói ông S. Lúc này, bà R1 đi đến thấy Nguyễn Văn R và H bắt trói ông S, bà R1 biết việc được Nguyễn Văn R bắt ghen ông S với bà P nên bà R1 đi tìm bà P để hỏi rõ sự việc. Sau khi bắt trói được ông S thì Nguyễn Văn R gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị Thanh K (là vợ ông S) nói lại sự việc. Ông Nguyễn Văn B nghe tiếng la ngoài vườn ớt nên đi ra xem. Khi ra đến vườn ớt của Nguyễn Văn R, ông B thấy H đang trói ông S, lúc này ông B lại gần hỏi có việc gì, H trả lời là

Nguyễn Văn R bắt ghen ông S và bà P, ông B sợ hai bên xảy ra đánh nhau nên ông B nói có gì đi vô nhà và báo chính quyền giải quyết, thì ông S đồng ý đi vô nhà của Nguyễn Văn R cùng với ông B. Khi vào nhà của Nguyễn Văn R, ông B ngồi trước hàng ba nhà cùng với ông S. Sau đó, ông Bưu điện t trình báo chính quyền địa phương về nội dung sự việc. Lúc này, gia đình ông S đến nên ông B bỏ đi vô nhà của Nguyễn Văn R. Sau đó, Công an xã T đến giải quyết vụ việc và mở dây trói cho ông S. Theo kết luận giám định, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn S tại thời điểm giám định là 01%. Xét các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H đã thực hiện hành vi dùng dây phối, dây dù bắt trói và giữ trái pháp luật đối với ông S, Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H và không cho các bị cáo hưởng án treo: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xác định các bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội, các bị cáo đã nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H là người có công với cách mạng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn R có công với cách mạng và áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời áp dụng thêm đối với bị cáo H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H nhất thời phạm tội và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, xét Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R mức án 05 tháng tù và xử phạt bị cáo H mức án 04 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Ngoài ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ phải áp dụng đối với các bị cáo nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng nên không có cơ sở tăng hình phạt tù đối với các bị cáo. Tuy nhiên, việc xem xét, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo là thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên việc Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là không phù hợp, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh nội dung này và Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H bị xử phạt tù không quá 03 năm; có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo nhất thời phạm tội, bản thân và gia đình của các bị cáo có công với cách mạng, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử sơ thẩm cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[5] Xét trong vụ án này, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm R1 không có tham gia vào việc bắt, giữ trái pháp luật đối với với ông S, chính ông B là người can ngăn, khuyên ông S vào nhà của Nguyễn Văn R và được ông S đồng ý và ông B đã trình báo chính quyền địa phương đến giải quyết vụ việc, tránh xô xát xảy ra nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông B và bà R1 với vai trò là đồng phạm của Nguyễn Văn R. Do vậy, cấp sơ thẩm không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông B và bà R1 là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H và phần xem xét trách nhiệm đối với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm R1 của bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị hại Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H; không cho các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H hưởng án treo; đồng thời, yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Cẩm Rơ .

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn R và Mai Văn H của Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; Điều 17; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 01 (một) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 09/8/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Văn R cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; Điều 17; các điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Mai Văn H 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 01 (một) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 09/8/2024.

Giao bị cáo Mai Văn H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị hại Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện K (02);
- VKSND huyện K (01);
- CQĐT-Công an huyện K (01);
- CQTHAHS-Công an huyện K (01);
- Chi cục THADS huyện K (01);
- Bị cáo (02);
- Bị hại (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vũ